

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **315/2022/DS-ST**

Ngày: 15-9-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Hồ Lê Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2022/QĐSTXX-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 641/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 – 2, Tòa nhà S, số X đường Y, phường Z, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Huy H. – nhân viên (theo Giấy ủy quyền số 007532.22 ngày 10/02/2022).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương M., sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số X1 đường Y1, phường Z1, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa, ông H. có mặt, Bà Nguyễn Thị Phương M. vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q) do ông Phạm Huy H. trình bày:

1. Ngân hàng Q ký với Bà Nguyễn Thị Phương M. đã ký Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018 với nội dung: Q cho khách hàng Nguyễn Thị Phương Mai vay số tiền 670,000,000 đồng; Mục đích giải ngân: vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại COLORADO, biển kiểm soát: 51D-230.92; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 16/01/2018 đến ngày 15/01/2026; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,29%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Q tại thời điểm điều chỉnh cộng bên độ 3,99%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 15 mỗi tháng trả: 6.980.000 đồng, số còn lại trả vào kỳ cuối cùng. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 15, ngày trả lãi đầu tiên 15/02/2018; Trả phí: theo quy định của Q từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. Q đã giải ngân cho Bà Nguyễn Thị Phương M. theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0004.KUNN-Q614.17 ngày 15/01/2018 với số tiền 670.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng Q đã ký với Bà Nguyễn Thị Phương M. Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 với nội dung: Q cho khách hàng Nguyễn Thị Phương Mai vay số tiền 670,000,000 đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET số loại COLORADO, biển kiểm soát: 51D-225.06; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 09/02/2018 đến ngày 08/02/2026; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,59%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Q tại thời điểm điều chỉnh cộng bên độ 4.09%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 16 mỗi tháng trả: 6.980.000 đồng, số còn lại trả vào kỳ cuối cùng. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 16, ngày trả lãi đầu tiên 16/02/2018. Trả phí: theo quy định của Q từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. Q đã giải ngân cho Bà Nguyễn Thị Phương M. theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0005.KUNN-Q614.18 ngày 08/02/2018 với số tiền 670,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Nguyễn Thị Phương M. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Ngân hàng Q đề nghị Tòa án tuyên buộc Bà Nguyễn Thị Phương M. như sau:

Buộc Bà Nguyễn Thị Phương M. có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền (tạm tính đến ngày 15/9/2022) là: 1.734.533.666 đồng trong đó gồm có:

+ Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018 là: 882.345.034 đồng; nợ gốc là: 545.117.255 đồng; nợ lãi trong hạn là: 23.619.955 đồng; nợ lãi quá hạn là: 313.607.824 đồng.

+ Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 là 852.188.632 đồng; nợ gốc là: 537.280.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 8.094.888 đồng; nợ lãi quá hạn là: 306.813.744 đồng.

Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/9/2022 cho đến khi Bà Nguyễn Thị Phương M. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên Bà Nguyễn Thị Phương M. đã thế chấp Tài sản bảo đảm là 02 xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO, biển kiểm soát: 51D-230.92 và 51D-225.06 cho Ngân hàng Q. Ngân hàng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nguyễn Thị Phương M. đã được tổng đạt Thông báo về việc Thụ lý vụ án; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự nhưng Bà M. vắng mặt không có lý do và không có bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Huy H. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn Bà Nguyễn Thị Phương M. vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Bà Nguyễn Thị Phương M. có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/9/2022 là:

1.734.533.666 đồng; trong đó gồm có: Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018 là: 882.345.034 đồng; nợ gốc là: 545.117.255 đồng; nợ lãi trong hạn là: 23.619.955 đồng; nợ lãi quá hạn là: 313.607.824 đồng. Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 là 852.188.632 đồng; nợ gốc là: 537.280.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 8.094.888 đồng; nợ lãi quá hạn là: 306.813.744 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 16/9/2022 cho đến khi Bà Nguyễn Thị Phương M. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên. Về phương thức và thời hạn thanh toán: buộc Bà Nguyễn Thị Phương M. thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho nguyên đơn một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận việc ngân hàng tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018, Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và Bà Nguyễn Thị Phương M. và Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Công an phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Bà Nguyễn Thị Phương M. có hộ khẩu tại số X2 đường Y2, phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn Bà Nguyễn Thị Phương M. có nơi cư trú tại phường Z1, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn – Ngân hàng do người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Huy H. có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Phương M. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay Bà Nguyễn Thị Phương M. vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị Phương M..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét Đơn khởi kiện; Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018, Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và Bà Nguyễn Thị Phương M.; Bảng lịch sử thanh toán và tính lãi; Điều lệ Ngân hàng; Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Huy H. cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị Phương M. đã ký các hợp đồng tín dụng như trên.

[2.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Do Bà M. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn quy định trong các hợp đồng tín dụng, gây khó khăn cho nguyên đơn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Phương M. có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày ngày 15/9/2022 là: 1.734.533.666 đồng; trong đó gồm có: Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018 là: 882.345.034 đồng; nợ gốc là: 545.117.255 đồng; nợ lãi trong hạn là: 23.619.955 đồng; nợ lãi quá hạn là: 313.607.824 đồng. Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 là 852.188.632 đồng; nợ gốc là: 537.280.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 8.094.888 đồng; nợ lãi quá hạn là: 306.813.744 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3] Về yêu cầu đối với nợ lãi:

Yêu cầu tiếp tục tính lãi trong hạn và quá hạn kể từ ngày 16/9/2022 cho đến khi Bà Nguyễn Thị Phương M. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của các hợp đồng tín dụng nêu trên của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Ngân hàng yêu cầu Bà Nguyễn Thị Phương M. thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[2.5] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tự nguyện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Phương M. phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

[2] Buộc Bà Nguyễn Thị Phương M. có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/9/2022 là: 1.734.533.666 đồng; trong đó gồm có: Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018 là: 882.345.034 đồng; nợ gốc là:

545.117.255 đồng; nợ lãi trong hạn là: 23.619.955 đồng; nợ lãi quá hạn là: 313.607.824 đồng. Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 là 852.188.632 đồng; nợ gốc là: 537.280.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 8.094.888 đồng; nợ lãi quá hạn là: 306.813.744 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0004.HĐTD-Q614.17 ngày 08/01/2018, Hợp đồng tín dụng số 0005.HĐTD-Q614.18 ngày 07/02/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và Bà Nguyễn Thị Phương M..

[3] Về yêu cầu đòi với nợ lãi:

Bà Nguyễn Thị Phương M. phải chịu khoản lãi quá theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng nêu trên kể từ ngày 16/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Phương thức và thời hạn thanh toán:

Bà Nguyễn Thị Phương M. có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5] Ghi nhận việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tự nguyện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương M. phải chịu 64.036.010 (sáu mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn không trăm mười) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 27.036.014 (hai mươi bảy triệu không trăm ba mươi sáu nghìn không trăm mười bốn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0035629 ngày 25/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài